

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2020

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Minh Suốt;

2. Ông Bùi Anh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch Thị T**, sinh năm 19xx(Bà T có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Diệp Thanh T**, sinh năm 19xx(Ông T vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày:

Bà và ông Diệp Thanh T cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới được 07 ngày thì ông T bỏ nhà đi, không biết đi đâu, khoảng thời gian thì ông T quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng được vài hôm thì ông T uống rượu sai quấy phá sau đó thì ông T về nhà cha mẹ ruột ông sinh sống từ đó bà và ông T sống ly thân cùng nhau cho đến nay. Nay bà xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Diệp Thanh T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn ông Diệp Thanh T*: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Diệp Thanh T vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị T.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; phía bị đơn chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Diệp Thanh T đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Diệp Thanh T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Thạch Thị T cho được ly hôn cùng ông Diệp Thanh T. Về con chung không có; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết: Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Diệp Thanh T đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Diệp Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T và ông Diệp Thanh T cưới nhau và ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2012 ngày 13/01/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị T và ông Diệp Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà Thu, ông Tsống bên gia đình bà T được 07 ngày thì ông Tbỏ đi không nói đi đâu sau đó thì ông T quay về bà Tvà ông Tiếp tục chung sống được thêm một thời gian thì ông Tuống rượu sai sẫn về quấy phá gia đình dẫn đến ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Tvà ông T đã không hạnh phúc từ sau khi ông bà cưới nhau, bà Tvà ông T đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay cũng đã lâu nhưng bà Tvà ông T không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Vì vậy xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Tvà ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị T.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Thạch Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “... Trường hợp theo quy định của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”. Bà Thạch Thị T là người dân tộc Khmer đang sinh sống và cư trú trên địa bàn xã Mỹ Thuận là xã đặc biệt khó khăn. Do đó, nguyên đơn đủ điều kiện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T được ly hôn cùng ông Diệp Thanh T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000129 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên bà T đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiệm

